

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày 23/5/2025

Về tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Trung

2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Trần Thị H** năm 1984; Nơi ĐKKHKT: TDP A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nơi ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: TDP A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H2 trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau: Chị và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày

21/01/2003 tại UBND thị trấn H, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H3 ngờ anh H1 nghiện ma túy dẫn đến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Chị và các con đã nhiều lần động viên anh H1 đi cai nghiện ma túy nhưng anh H1 không đồng ý với lý do anh H1 không phải là đối tượng nghiện ma túy. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 12/2024, vợ chồng xảy ra xô xát cãi vã, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay, mọi sinh hoạt đều riêng biệt. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 03 con chung là:

- Nguyễn Thị T sinh năm 2003. Hiện con T1 đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Nguyễn Thị P ngày 02/11/2011.

- Nguyễn Thị N ngày 20/11/2013.

Hiện con P và con N đang ở với chị H. Ly hôn, chị H4 nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng cho con chung. Hiện chị đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ và được bố mẹ chị sẵn sàng hỗ trợ chị chăm sóc con cái, chị có công việc và thu nhập ổn định.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn H1 trình bày: Về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn của vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì. Bản thân anh không nghiện ma túy hay buôn bán ma túy như chị H5 bày. Còn nguyên nhân dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn là do anh H1 mắc bệnh hiểm nghèo, toàn bộ tiền lương của anh H1 đều để chữa bệnh. Anh H1 và chị H6 sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay. Nay chị H4 đơn xin ly hôn anh, anh xét thấy vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H7 anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung như chị H trình bày là đúng. Nếu vợ chồng ly hôn, anh H1 đồng ý việc chị H8 tiếp nuôi dưỡng con P và con N. Đồng ý việc chị H9 yêu cầu anh cấp dưỡng cho các con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với con T.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Tại biên bản xác minh đối với chính quyền địa phương cung cấp: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Trần Thị H2 có đăng ký kết hôn ngày 21/01/2003 tại UBND thị trấn H, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì chính quyền địa phương không biết do anh chị

không yêu cầu các đoàn thể tại địa phương tiến hành hòa giải. Tuy nhiên, sau Tết Nguyên đán năm 2025, chị H6 đưa các con về nhà bố mẹ đẻ của chị H sống, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Chị H, anh H1 có 03 con chung là Nguyễn Thị T2 năm 2003; Nguyễn Thị P ngày 02/11/2011 và Nguyễn Thị N ngày 20/11/2013. Vợ chồng có tài sản chung hay không thì chính quyền địa phương không biết. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết theo nguyện vọng hai bên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho chị H được ly hôn anh H1, xử giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra giải quyết về tài sản chung. Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H2 và anh Nguyễn Văn H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị H, anh H1 thể hiện quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H3 ngờ anh H1 ghen ma túy, từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát kéo dài. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 12/2024, chị H6 đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh H1 trình bày anh vẫn còn tình cảm với chị H và đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm nhưng chị H không đồng ý khiến cho cuộc sống gia đình rơi vào bế tắc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải mục đích để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H giữ nguyên quan điểm cương quyết xin ly hôn, thể hiện chị không còn thiết tha

với cuộc hôn nhân hiện tại. Như vậy, hôn nhân giữa chị Trần Thị H2 và anh Nguyễn Văn H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị H2 ly hôn anh Nguyễn Văn H1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H2 và anh Nguyễn Văn H1 có 03 con chung là Nguyễn Thị T2 năm 2003; Nguyễn Thị P ngày 02/11/2011 và Nguyễn Thị N ngày 20/11/2013. Hiện con T1 đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Ly hôn, chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con P và con N, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng cho con chung. Chị H hiện là công nhân tại Công ty TNHH P2 05 tháng gần nhất (từ tháng 8/2024 đến tháng 12/2024) khoảng 9.495.000 đồng. Anh H1 đồng ý việc chị H tiếp nuôi dưỡng con P và con N đồng ý việc chị H9 yêu cầu anh cấp dưỡng cho các con chung. Xét thấy, chị H có đủ điều kiện về nơi ở, điều kiện về kinh tế, điều kiện về thời gian... để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung. Do đó cần xử giao con Nguyễn Thị P1 con Nguyễn Thị N1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng cho con là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị Trần Thị H10 anh Nguyễn Văn H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị H2 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 235; 238; 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H2 được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung:

Không đặt ra giải quyết về người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con đối với con Nguyễn Thị T2 năm 2003.

Xử giao 02 con chung là Nguyễn Thị P ngày 02/11/2011 và Nguyễn Thị N ngày 20/11/2013 cho chị Trần Thị H2 trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị Trần Thị H2 không yêu cầu anh Nguyễn Văn H1 cấp dưỡng cho con chung cùng chị.

Anh Nguyễn Văn H1 có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Chị Trần Thị H2, anh Nguyễn Văn H1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H2 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Trần Thị H2 đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà theo biên lai thu số 0000635 ngày 13/3/2025 thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị H2 và bị đơn anh Nguyễn Văn H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Đặng Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình);
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình).
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Nguyệt